

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HC-ST

Ngày 02 - 4 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định giải  
quyết khiếu nại trong lĩnh vực  
quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thạch

Ông Mai Văn Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2020/TLST - HC ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “Kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa:

**- Người khởi kiện:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1965 và bà Dương Thị Song H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

**-Người bị kiện:** Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: Số A, đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Ông Trần Đình A, Phó trưởng phòng Q thuộc Sở T, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình

**Đại diện theo uỷ quyền:** Ông Lê Ngọc H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q (Giấy uỷ quyền số 168/UQ - UBND ngày 09/12/2020); có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

*Đại diện theo uỷ quyền:* Bà Phạm Thị V – Công chức địa chính – Nông nghiệp; có mặt.

+ Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1974; bà Diệp Thị U, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H (viết tắt là người khởi kiện) trình bày: Năm 1994 Hợp tác xã X, xã X chia đất sản xuất theo Nghị định số 64/NĐ-CP, theo đó toàn bộ diện tích đất sản xuất cây trồng hàng năm khác ở trong vườn nhà ở của tất cả các hộ gia đình kết hợp với đất sản xuất ngoài đồng ruộng do HTX quản lý để chia cho từng nhân khẩu trong thôn. Gia đình người khởi kiện lúc đó có 07 khẩu (gồm: Ông D, bà H, con gái ông D, bà D và anh Ph cùng 02 em của ông D) do bà Nguyễn Thị D làm chủ hộ (bà D là mẹ ông D) được chia đất sản xuất theo Nghị định số 64/NĐ-CP của Chính phủ, gồm đất sản xuất hàng năm khác trong vườn ở của bà Nguyễn Thị D khoảng 800m<sup>2</sup> và tại xứ Đ xã X có diện tích hơn 500m<sup>2</sup>.

Năm 2003 vợ chồng người khởi kiện tách hộ, thực hiện việc dồn điền đổi thửa, Hợp tác xã X đã cân đối đất trong cây hàng năm khác trong vườn của tất cả các hộ trên địa bàn thôn và đất trồng cây hàng năm khác ở đồng ruộng để chia đất theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho từng nhân khẩu của hộ gia đình. Trong đó, bà Nguyễn Thị D và ba em ruột của ông D (4 nhân khẩu) được giao đất trồng cây hàng năm khác trong vườn nhà ở với diện tích khoảng 800m<sup>2</sup> (bình quân gần 200m<sup>2</sup>/nhân khẩu). Vợ, con gái ông D và ông D (03 khẩu) được chia 417m<sup>2</sup> đất màu ở Đ (ông D có tham gia hợp tác tại đội 5 để bốc thăm chia đất). Năm 2006 đội 5 thôn X tự kê khai làm thủ tục (vợ chồng ông D không kê khai) đề nghị Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã X và UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AD 955894 ngày 19/4/2006 cho hộ gia đình ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xứ Đ, xã X với diện tích 417m<sup>2</sup>. Sau khi được giao đất vợ chồng ông D sử dụng được 02 năm thì cho vợ chồng em trai Lê Văn Ph mượn canh tác cho đến nay. Năm 2019, vợ chồng ông Ph, bà U làm thủ tục cấp đổi và được Sở T, tỉnh Quảng Bình cấp đổi thành GCNQSDĐ số CR 401799 ngày 08/9/2019 cho hộ gia đình ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xứ Đ, xã X nên đã xảy ra tranh chấp. Tại Quyết định số 01/QĐ – VPĐK ngày 22/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở T tỉnh Quảng Bình đã công nhận việc khiếu nại của ông Lê Văn D, đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q lập hồ sơ trình Sở T tỉnh Quảng Bình thu hồi GCNQSDĐ số CR 401799 ngày 08/9/2019 cấp cho hộ gia đình ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U; Tại Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21/8/2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình đã không công nhận nội dung ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U khiếu nại Quyết định số 01/QĐ – VPĐK ngày 22/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở T tỉnh Quảng Bình, đồng thời

ng nghị UBND huyện Q thu hồi GCNQSDĐ số AD 955894 ngày 19/4/2006 cấp cho hộ ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xứ Đ, xã X.

Để đảm bảo quyền lợi của mình ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ điều 2 Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21/8/2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình.

Tại Công văn số 2446/STNMT – TTr ngày 30/11/2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình trình bày. Về thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn D, Dương Thị Song H và ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định. Về nội dung: Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 523/QĐ – STNMT ngày 21/8/2020, đề nghị Tòa án không chấp nhận việc khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Công văn số 1078/UBND – TNMT ngày 04/12/2020 của UBND huyện Q trình bày: UBND huyện Q nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại số 523/QĐ – STNMT ngày 21/8/2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình, đề nghị Tòa án không chấp nhận việc khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản tự khai bà Phạm Thị V đại diện theo ủy quyền của UBND xã X trình bày: Căn cứ sổ theo dõi dịch vụ xóm 5 thôn X năm 2000 thì ông Ph, bà U đang canh tác 517m<sup>2</sup> đất màu, còn ông D, bà H không có diện tích đất màu. Hiện tại UBND xã X không lưu giữ các loại sổ sách dồn điền đổi thửa và sổ sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình liên quan đến diện tích đất tranh chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U trình bày: Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xứ Đ, xã X do vợ chồng ông bà canh tác và sử dụng từ khi được dồn điền, đổi thửa năm 2013 cho đến nay không có tranh chấp, ông bà đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

Tại phiên toà người khởi kiện ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện , đề nghị Tòa án tuyên hủy toàn bộ điều 2 Quyết định giải quyết khiếu nại số 523/QĐ – STNMT ngày 21/8/2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án giữ nguyên quan điểm không chấp nhận việc khởi kiện của người khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q ảng Bình tham gia phiên toà phát biểu. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 523/QĐ – STNMT ngày 21/8/2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình và buộc người khởi kiện chịu án phí vụ kiện theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Ngày 21 tháng 8 năm 2020 Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 523/QĐ – STNMT về giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Ph trong lĩnh vực đất đai, ngày 11 tháng 10 năm 2020 ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Điều 2 Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H làm trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, nên chấp nhận để giải quyết.

[2] Sau khi nhận được khiếu nại của ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U, Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở T tỉnh Quảng Bình giải quyết và ban hành Quyết định số 01/QĐ – VPĐK ngày 22/01/2020. Không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 nên ông Ph, bà U tiếp tục khiếu nại. Ngày 21 tháng 8 năm 2020 Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 523/QĐ – STNMT về việc giải quyết khiếu nại lần 2 trong lĩnh vực đất đai đối với ông Ph, bà U, trong đó tại điều 2 quyết định này đã đề nghị UBND huyện Q thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông D, bà H tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xã X. Quyết định giải quyết khiếu nại này ban hành đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[3] Ngày 19 tháng 4 năm 2006, ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số AD 955894 với diện tích 417m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xứ Đ, xã X. Sau khi được giao đất ông D, bà H không trực tiếp sử dụng đất, người sử dụng thửa đất này từ năm 2006 cho đến nay là ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U (ông D trình bày đã cho vợ chồng em trai là ông Ph, bà U mượn để canh tác).

[4] Ngày 20 tháng 12 năm 1999, ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số H 771258 bao gồm 04 thửa đất (thửa số 23 có diện tích 703m<sup>2</sup> và 33 có diện tích 905m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 6 là đất trồng lúa; thửa số 18 có diện tích 497m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 5 và thửa số 18 có diện tích 74m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 2 là đất màu). Ngày 09 tháng 8 năm 2019, ông Lê Văn Ph, bà Diệp Thị U được Sở T tỉnh Quảng Bình cấp đổi GCNQSDĐ số CR 401799 với 03 thửa đất trong đó có diện tích 417m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xứ Đ, xã X nên giữa vợ chồng ông D, bà H và vợ chồng ông Ph, bà U xảy ra tranh chấp.

[5] Tại Quyết định số 01/QĐ – VPĐK ngày 22/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở T tỉnh Quảng Bình và Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình không chấp nhận khiếu nại của ông Ph, bà U về việc thu hồi GCNQSDĐ số CR 401799 ngày 09/8/2019 của Sở T tỉnh Quảng Bình liên quan đến thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xã X là có căn cứ, vì thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông D, bà H. Mặt khác ông Ph, bà U chưa được cấp có thẩm quyền giao sử dụng liên quan đến thửa đất này và hiện tại ông bà không khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Giám

độc Sở T tỉnh Quảng Bình nên không xem xét.

[6] Đối với khởi kiện yêu cầu hủy điều 2 Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình của người khởi kiện thấy: Trước khi được cấp GCNQSDĐ số AD 955894 ngày 19 tháng 4 năm 2006 ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H không có giấy tờ của cấp có thẩm quyền liên quan đến thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xã X. Theo ông D, bà H thì diện tích đất này được đội sản xuất chia đất màu vào năm 2003 theo Nghị định 64/CP khi dồn điền đổi thửa và từ khi được giao đất cho đến nay ông D, bà H không trực tiếp sử dụng đất (ông Ph, bà U là người trực tiếp sử dụng đất).

[7] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người khởi kiện thừa nhận ông bà không làm và không ký giấy tờ gì liên quan đến việc xin cấp GCNQSDĐ số AD 955894 ngày 19 tháng 4 năm 2006, việc này do đội sản xuất tự làm và mang GCNQSDĐ về cho ông bà. Mặt khác, năm 2003 khi dồn điền đổi thửa bà Nguyễn Thị D làm chủ hộ có 07 nhân khẩu trong đó có 03 khẩu của ông D, bà H và con gái ông D còn 04 khẩu gồm bà D, ông Ph, em trai và em gái ông D, diện tích đất màu của 07 khẩu trong gia đình được chia tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 16 xã X mang tên ông D, bà H, các khẩu còn lại trong hộ bà D không được chia đất màu, theo ông D thì 04 khẩu còn lại trong hộ được chia trong vườn nhà ở của bà Nguyễn Thị D nhưng không có chứng cứ chứng minh, qua xác minh thì hiện nay ở đội sản xuất có lưu giữ bản sao chia đất, tại UBND xã X không còn lưu giữ các tài liệu liên quan đến dồn điền đổi thửa trên địa bàn nên không có căn cứ để xem xét việc ông D đã nêu. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông D, bà H đã vi phạm Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ – CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

[8] Từ các phân tích tại các mục [2], [3], [4], [5], [6] và [7] thấy điều 2 Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình về việc kiến nghị UBND huyện Q làm thủ tục thu hồi GCNQSDĐ số AD 955894 ngày 19 tháng 4 năm 2006 của UBND huyện Q cấp cho ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H về yêu cầu hủy Điều 2 Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình.

[9] Ông Lê Văn D khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H về việc yêu cầu hủy toàn bộ điều 2 Quyết định số 523/QĐ – STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Ông Lê Văn D, bà Dương Thị Song H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001715 ngày 12/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông D, bà H đã nộp đủ án phí vụ kiện.

3. Báo cho người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2021.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Nghĩa**

